

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-PT

Ngày: 16/01/2023.

*V/v: Tranh chấp đòi tài sản
sau khi chia thừa kế”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

Các thẩm phán:

Ông Quách Văn Thành.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 84/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản sau khi chia thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2023/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** anh Lê Văn H, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** bà Lê Thị T, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H và chị Lê Thị H: anh

Lê Văn H, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Cụ Lê Ngọc H (chết năm 2008) và cụ Trần Thị H (chết năm 1999) là ông bà ngoại của anh. Khi còn sống, hai cụ sinh được 07 người con, 01 người đã chết khi còn nhỏ, còn lại 06 người, gồm: ông Lê Ngọc B, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị T, ông Lê Ngọc T và mẹ đẻ anh là bà Lê Thị H (chết năm 2004). Bà Lê Thị H kết hôn với ông Lê Văn H - sinh năm 1964, sinh được anh và chị Lê Thị H, sinh năm 1991.

Sau khi ông bà ngoại anh chết không để lại di chúc, ông Lê Ngọc B là người quản lý tài sản thì bà Lê Thị T đứng ra khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của các cụ để lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa đã xác định ông Lê Văn H (bố đẻ anh), anh và chị Lê Thị H (em gái anh) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã giải quyết: xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông bà ngoại anh gồm bà Lê Thị H (mẹ anh), ông Lê Ngọc B, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị T. Cụ thể mỗi người được hưởng như sau: buộc ông Lê Ngọc B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại mà các kỷ phần còn được nhận là bà Lê Thị S 187.261.000đ, bà Lê Thị T 217.261.000đ, bà Lê Thị L 236.261.000đ, bà Lê Thị H 227.261.000đ. Về án phí: bà Lê Thị H phải nộp 11.363.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Các chị em trong gia đình đã ủy quyền cho bà Lê Thị T là dì anh tham gia tố tụng và nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự. Hiện nay ông Lê Ngọc B đã giao tài sản là đất để trừ vào tiền phải thi hành, bà T đã nhận tương ứng với số tiền 512.000.000đ và đang quản lý số tiền này; số tiền còn lại phải thi hành là 350.000.000đ chưa thi hành được.

Ngày 11/10/2015 bố anh là ông Lê Văn H, em gái anh là chị Lê Thị H, anh và bà Lê Thị T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S có ký Biên bản họp thỏa thuận bốn chị em gái với nội dung: “Số tài sản của bố mẹ là ông Lê Ngọc H và bà Trần Thị H (đã chết) để lại tài sản chia cho các con. Sau khi Tòa án chia cho bốn chị em, không biết được bao nhiêu. Nếu nhận được số tiền ở Tòa về thì anh chị em chúng tôi nhất trí phải để số tiền đó lại, nộp các khoản chi phí, tiền mua đất làm nhà thờ bố mẹ, còn lại bao nhiêu chia cho 04 chị em”. Tuy nhiên, từ sau khi nhận tiền ông

B thi hành án đến nay bà T vẫn không mua đất làm nhà thờ cho ông bà ngoại anh, do vậy bố anh, anh và em gái anh thay đổi ý kiến, không đồng ý theo Biên bản thỏa thuận bốn chị em gái ngày 11/10/2015 nữa. Anh đề nghị số tiền 512.000.000đ bà T đã nhận và đang quản lý, sau khi trừ số tiền án phí đã nộp theo quy định, còn lại bao nhiêu chia theo tỷ lệ trên số tiền đã nhận được mà mẹ anh là bà Lê Thị H được hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bố mẹ bà là Lê Ngọc H và Trần Thị H sinh được 07 người con, 01 người con đã mất khi còn nhỏ, còn lại 06 người con, gồm: ông Lê Ngọc B, bà Lê Thị H, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S và bà là Lê Thị T. Bố bà chết năm 2008, mẹ bà chết năm 1999. Sau khi bố mẹ bà chết để lại di sản là nhà đất do ông Lê Ngọc B quản lý, sau đó bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết: xác định những người được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ bà gồm bà Lê Thị H, ông Lê Ngọc B, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị T. Cụ thể từng người được hưởng như sau: buộc ông Lê Ngọc B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại mà các kỷ phần còn được nhận là bà Lê Thị S 187.261.000đ, bà Lê Thị T 217.261.000đ, bà Lê Thị L 236.261.000đ, bà Lê Thị H 227.261.000đ và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tất cả các chị em trong gia đình đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng và nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự. Hiện tại, ông Lê Ngọc B mới thi hành được số tiền 500.000.000đ và hiện nay bà đang quản lý số tiền này, còn lại 350.000.000đ ông Lê Ngọc B chưa thi hành án.

Ngày 11/10/2015 bà cùng bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, ông Lê Văn H, anh Lê Văn H, chị Lê Thị H có ký vào Biên bản họp thỏa thuận 04 chị em gái với nội dung: *“Số tài sản của bố mẹ là ông Lê Ngọc H và bà Trần Thị H (đã chết) để lại tài sản chia cho các con. Sau khi Tòa án chia cho bốn chị em, không biết được bao nhiêu. Nếu nhận được số tiền ở Tòa về thì anh chị em chúng tôi nhất trí phải để số tiền đó lại, nộp các khoản chi phí, tiền mua đất làm nhà thờ bố mẹ, còn lại bao nhiêu chia cho 04 chị em”*.

Nay anh H không thống nhất như Biên bản họp thỏa thuận ngày 11/10/2015 nói trên, mà đòi nhận số tiền bà Lê Thị H được hưởng theo kỷ phần thừa kế thì bà không đồng ý và đề nghị thực hiện theo thỏa thuận của 04 chị em gái ngày 11/10/2015.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và chị Lê Thị H trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của anh Lê Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và Lê Thị S trình bày:

Theo Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: buộc ông Lê Ngọc B có trách nhiệm thanh

toán số tiền còn lại mà các kỷ phần còn được nhận là bà Lê Thị S 187.261.000đ, bà Lê Thị T 217.261.000đ, bà Lê Thị L 236.261.000đ, bà Lê Thị H 227.261.000đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tất cả các chị em và các cháu H, H, ông H đều ủy quyền cho bà Lê Thị T đứng ra đề nghị cơ quan thi hành án thi hành đối với khoản tiền mà ông Lê Ngọc B phải thi hành. Ông Lê Ngọc B đã thi hành tài sản bằng đất để trừ vào tiền thi hành án và thống nhất là 500.000.000đ. Bà T đã nhận đất và chuyển nhượng được 500.000.000đ đang quản lý số tiền này.

Ngày 11/10/2015 các bà cùng bà Lê Thị T, ông Lê Văn H, anh Lê Văn H, chị Lê Thị H có ký vào Biên bản hợp thỏa thuận 04 chị em gái với nội dung: *“Số tài sản của bố mẹ là ông Lê Ngọc H và bà Trần Thị H (đã chết) để lại tài sản chia cho các con. Sau khi Tòa án chia cho bốn chị em, không biết được bao nhiêu. Nếu nhận được số tiền ở Tòa về thì anh chị em chúng tôi nhất trí phải để số tiền đó lại, nộp các khoản chi phí, tiền mua đất làm nhà thờ bố mẹ, còn lại bao nhiêu chia cho 04 chị em”*. Các bà có hỏi mua đất làm nhà thờ cho bố mẹ, nhưng hiện nay chưa mua được.

Nay anh H không thống nhất như Biên bản hợp thỏa thuận ngày 11/10/2015 nói trên, mà đòi nhận số tiền bà Lê Thị H được hưởng theo kỷ phần thừa kế thì các bà không đồng ý và đề nghị thực hiện theo thỏa thuận ngày 11/10/2015.

Ý kiến của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Thanh Hóa:

Kết quả thi hành bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa: về phần án phí, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thi hành xong. Không có ai nhận tiền từ Chi cục thi hành án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhận tài sản để trừ vào tiền được chia thừa kế tương ứng với số tiền 512.000.000đ, số tiền còn phải thi hành là 350.000.000đ người được ủy quyền nhận tài sản là bà Lê Thị T.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166 Bộ luật dân sự. Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H.

Buộc bà Lê Thị T phải giao lại cho anh Lê Văn H số tiền 122.682.776đ (Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 10/10/2022 bà Lê Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, bác đơn khởi kiện của anh Lê Văn H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Văn H không rút đơn khởi kiện, bà Lê Thị T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến đại diện VKS tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Lê Thị T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo, thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận và thống nhất như nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết. Bản án đã xác định những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Lê Ngọc H và Trần Thị H để lại gồm bà Lê Thị H, ông Lê Ngọc B, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị T. Cụ thể từng người được hưởng như sau: buộc ông Lê Ngọc B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại mà các kỹ phần còn được nhận là bà Lê Thị S 187.261.000đ, bà Lê Thị T 217.261.000đ, bà Lê Thị L 236.261.000đ, bà Lê Thị H 227.261.000đ. Về phần án phí: bà Lê Thị H phải nộp 11.363.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tất cả các chị em trong gia đình và ông H, anh H, chị H (là chồng con bà H) đã ủy quyền cho bà Lê Thị T đứng ra đề nghị cơ quan thi hành án thi hành đối với khoản tiền mà ông Lê Ngọc B phải thi hành. Ngày 11/10/2015 bà T đã nhận 512.000.000đ ông B thi hành và đang quản lý số tiền này. Số tiền còn lại 350.000.000đ ông Lê Ngọc B chưa thi hành án. Cùng ngày 11/10/2015, các bà Lê Thị T, Lê Thị S, Lê Thị L, ông Lê Văn H, anh Lê Văn H, chị Lê Thị H có ký vào Biên bản họp thỏa thuận 04 chị em gái với

nội dung: “Số tài sản của bố mẹ là ông Lê Ngọc H và bà Trần Thị H (đã chết) để lại tài sản chia cho các con. Sau khi Tòa án chia cho bốn chị em, không biết được bao nhiêu. Nếu nhận được số tiền ở Tòa về thì anh chị em chúng tôi nhất trí phải để số tiền đó lại, nộp các khoản chi phí, tiền mua đất làm nhà thờ bố mẹ, còn lại bao nhiêu chia cho 04 chị em”.

Xét thấy, văn bản thỏa thuận lập ngày 11/10/2015 trên cơ sở thống nhất giữa anh chị em trong gia đình, đồng thời ủy quyền cho bà T quản lý số tiền 512.000.000đ do ông Lê Ngọc B đã thi hành để thực hiện thỏa thuận nêu trên. Tuy nhiên, sau khi nhận tài sản do ông Lê Ngọc B thi hành đến nay, bà T là người quản lý và chưa thực hiện việc mua đất làm nhà thờ bố mẹ như anh chị em trong gia đình đã thỏa thuận. Tại cấp phúc thẩm, bà T xuất trình 01 “Giấy nhận tiền đất” đề ngày 11/10/2020, với nội dung: bà Lê Thị T đặt cọc tiền cho ông Lê Trọng T (sinh năm 1969, trú tại: Tổ dân phố T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) để mua diện tích đất 60m² (trong đó đất ở ODT 40m², đất cây lâu năm 20m²) với giá 600.000.000đ, số tiền còn lại 100.000.000đ khi nào ông T làm sổ đỏ thì bà T phải giao đủ. Tuy nhiên, xét thấy “Giấy nhận tiền đất” đề ngày 11/10/2020 bà T giao nộp không thể hiện địa chỉ thửa đất ở đâu, điều kiện pháp lý của thửa đất như thế nào, nội dung mua sử dụng vào mục đích gì, mua cho riêng cá nhân bà T, hay mua theo văn bản thỏa thuận ngày 11/10/2015 giữa các anh chị em trong gia đình... Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án đã yêu cầu nhưng bà T không giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh, không trình bày ý kiến về việc đã mua nhà đất làm nhà thờ cho bố mẹ như văn bản thỏa thuận với nhau. Và thực tế, cho đến thời điểm Tòa án xét xử phúc thẩm, bà T vẫn chưa thực hiện được việc mua đất làm nhà thờ cúng bố mẹ. Vì thời gian đã lâu, kể từ ngày lập “Biên bản thỏa thuận” (ngày 11/10/2015) đến nay, bà T không thực hiện theo thỏa thuận nêu trên nên anh Lê Văn H đã thay đổi ý kiến, yêu cầu bà T phải giao lại số tiền được thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DSST ngày 11/8/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, xác định tỷ lệ số tiền ông H, anh H, chị H được hưởng là 122.682.777đ là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H không đồng ý tiếp tục thực hiện thỏa thuận. Bà T kháng cáo yêu cầu gia đình anh H phải tiếp tục thực hiện nội dung thỏa thuận trong Biên bản thỏa thuận ngày 11/10/2015 là không có cơ sở. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T mà giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật dân sự. Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H.

Buộc bà Lê Thị T phải giao lại cho anh Lê Văn H số tiền 122.682.776đ (Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị T phải nộp 6.134.350đ (sáu triệu, một trăm ba tư nghìn, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho anh Lê Văn H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012045 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012307 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cap tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Tòa án ND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Hà

